

# PRESERVE AND PROMOTE THE VALUE OF THE "KHO GIA GIA" FESTIVAL OF THE BLACK HA NHI PEOPLE, Y TY COMMUNE, BAT XAT DISTRICT, LAO CAI PROVINCE IN TOURISM DEVELOPMENT

Nguyen Thanh Nam

Hanoi University of Culture

Email: [namnt@huc.edu.vn](mailto:namnt@huc.edu.vn)

Received: 07/3/2024; Reviewed: 14/3/2024; Revised: 17/3/2024; Accepted: 18/3/2024; Released: 31/3/2024

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/282>

During a year, the Ha Nhi people in our country have many festivals imbued with ethnic cultural identity, the typical one is the Kho Gia Gia Festival of the black Ha Nhi people in Y Ty commune, Bat Xat district, Lao Cai province. The nature of this festival is to pray for good harvests, with the hope of favorable weather, good harvests, prosperous people, lush crops, prosperous and happy for the family. In addition to its spiritual significance, this festival is also a form of community cultural activity, with important significance in uniting the social community inside and outside the village in the past and now. To organize the festival, the black Ha Nhi people must prepare several months in advance, conduct community meetings to discuss how to organize rituals and festivals, contribute funds and assign tasks to individuals performing work related to the festival. The space for holding the ceremony is in the open area of the park forest and the duration of the festival is 3 days and is one of the largest and most important festivals of the people. In recent years, the traditional festivals of the black Ha Nhi people in Y Ty commune have been paid attention to, preserved and developed by local authorities to attract tourists.

**Keywords:** *Preserve and Promote; Old Dry Festival; Black Ha Nhi people; Y Ty commune; Bat Xat district.*

## 1. Đặt vấn đề

Lễ hội là một hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng, ra đời và phát triển trong xã hội loài người. Lễ hội *Khô già già* (còn gọi là *Khu già già*) có nghĩa là lễ cầu mùa của người Hà Nhi đen ở xã Y Tý, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai là một thành tố văn hóa phi vật thể không thể thiếu trong đời sống cộng đồng. Là cư dân có nguồn gốc từ Trung Quốc di cư sang nước ta đã trải qua vài trăm năm và trở thành một trong 54 dân tộc của Việt Nam. Trong quá trình định cư, sinh sống ở các tỉnh như Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, người Hà Nhi luôn có ý thức bảo tồn, phát triển các giá trị phong tục, tập quán, lễ hội tốt đẹp của mình vào trong đời sống cộng đồng, góp phần tạo nên “bức tranh văn hóa” đa màu sắc của các dân tộc Việt Nam. Họ vốn là cư dân nông nghiệp, vừa canh tác lúa nước trên ruộng bậc thang, vừa cấy lúa, trồng hoa màu trên nương rẫy đã tạo cho người Hà Nhi có những nhu cầu về văn hóa tâm linh mà lễ hội *Khô già già* là nơi thỏa mãn nhu cầu ấy. Trong tâm thức của người Hà Nhi đen ở xã Y Tý, lễ hội là thành tố văn hóa gắn bó mật thiết với nghi lễ, nó vừa thiêng liêng vừa mãnh liệt, gắn gũi với cộng đồng. Điều này cũng đồng quan điểm, “Lễ hội cổ truyền là một “thời điểm mạnh của sinh hoạt

cộng đồng” - một thành tố có tính chất tổng hợp trong các thành tố tín ngưỡng, tôn giáo, nghệ thuật biểu diễn dân gian... (Bên, 2000, tr.15).

Dân tộc Hà Nhi ở Việt Nam có nguồn gốc từ hai huyện Kim Bình, Lục Xuân, tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) di cư sang các tỉnh Lai Châu, Điện Biên, Lào Cai cách ngày nay khoảng vài trăm năm (Lê, 2007, tr.107). Dựa trên đặc điểm phương ngữ, trang phục, phong tục tập quán, nhà cửa, địa bàn cư trú, nguồn gốc lịch sử tộc người và ý thức tộc người tự nhận về tên gọi mà các nhà dân tộc học phân chia dân tộc Hà Nhi gồm 2 nhóm: Hà Nhi hoa (với hai nhóm nhỏ là Hà Nhi Cồ Chồ, Hà Nhi La Mí) và Hà Nhi đen, thuộc nhóm ngôn ngữ Hán- Tạng. Họ sống ở khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc thuộc các tỉnh Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên; trong đó nhóm Hà Nhi Đen cư trú chủ yếu tại các thôn bản của các xã trong huyện Bát Xát (tỉnh Lào Cai) và huyện Phong Thổ, Mường Tè (tỉnh Lai Châu) (Liên, 2004, tr.6).

Trong đời sống văn hóa tinh thần, người Hà Nhi đen luôn có ý thức bảo tồn, phát triển lễ hội *Khô già già* gắn với đời sống cộng đồng thông qua phong tục, tập quán, tín ngưỡng truyền thống của mình. Hàng năm, đông bào vẫn duy trì lễ hội cổ truyền này, du khách đến với vùng đất Y Tý sẽ được tham

gia trải nghiệm khám phá những nét văn hóa độc đáo, mang đậm bản sắc dân tộc của cư dân vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

Lễ hội diễn ra trong 3 ngày, bắt đầu từ ngày Thìn (con rồng) và kết thúc vào ngày Ngọ (con ngựa) của tháng 6 âm lịch hàng năm; trong đó ngày Ngọ được xem là quan trọng nhất. Vào dịp lễ hội, tại tất cả các thôn bản của người Hà Nhì đen trong xã gắn với tục giết trâu hiến sinh cầu mùa và tạ thần linh sơn thần, thổ địa, thần mỏ nước tại khu rừng cấm và cúng tổ tiên trong ba ngày tại gia đình. Lễ hội này không chỉ là một thành tố văn hóa tâm linh đặc sắc mà còn liên quan đến đời sống văn hóa vật chất của cả cộng đồng về gắn với tín ngưỡng cầu mùa màng bội thu và sức khỏe, gia đình hạnh phúc trong năm nên được tổ chức rất chu đáo, thành kính, vui vẻ, thu hút sự tham gia của toàn cộng đồng trong thôn bản. Có thể nhận thấy, lễ hội *Khô già già* của người Hà Nhì ở Việt Nam nói chung và nhóm Hà Nhì đen nói riêng vừa mang ý nghĩa lịch sử, văn hóa tâm linh của tộc người, vừa là một trong lễ hội quan trọng nhất, quy mô nhất trong năm của đồng bào. Bài viết này sẽ chỉ ra những nét đặc trưng văn hóa tộc người và sự cố kết cộng đồng xã hội bền chặt của người Hà Nhì đen tại xã Y Tý thông qua lễ hội truyền thống nhằm bảo tồn, phát triển di sản văn hóa vào trong đời sống cộng đồng để thu hút khách du lịch, tạo công ăn việc làm, thu nhập cho người dân địa phương. Với những giá trị về lịch sử, văn hóa của lễ hội này đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia năm 2015.

## 2. Tổng quan nghiên cứu

Trong các loại hình văn hóa dân gian của các dân tộc thiểu số (DTTS) ở Việt Nam, lễ hội là loại hình được sưu tầm, nghiên cứu tương đối muộn màng. Hầu hết, các công trình nghiên cứu về lễ hội của các dân tộc ở nước ta, các nhà nghiên cứu văn hóa chủ yếu quan tâm nhiều đến người Việt ở đồng bằng châu thổ Bắc Bộ và một số DTTS có dân số đông (người Mường, Tày, Nùng, Thái, Giarai, Bana, Khmer, Chăm...), còn đối với các dân tộc thiểu số thuộc nhóm ngôn ngữ Tạng - Miến (Hà Nhì, La Hủ, Lô Lô, Cống, Si La, Phù Lá) thì lễ hội của các tộc người này còn ít được các nhà nghiên cứu quan tâm. Thực tế, các thành tố văn hóa về sự tích, truyền thuyết, nghi lễ, trò diễn, trò chơi trong lễ hội truyền thống gắn bó với nhau một cách rất mật thiết trong văn hóa tộc người. Trong suốt chiều dài của lịch sử, các thành tố nêu trên vẫn tồn tại, duy trì, phát triển trong các lễ hội dân gian nhưng các công trình nghiên cứu về lễ hội chưa có nhiều. Cho đến nay, kết quả của quá trình nghiên cứu cơ bản theo hướng toàn diện về văn hóa của các dân tộc Việt Nam. Công trình nghiên cứu *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)* (Viện Dân tộc

học, 1978) đã đề cập đến nguồn gốc, lịch sử, ngôn ngữ, văn hóa tộc người Hà Nhì; *Văn hóa nếp sống của người Hà Nhì, Lô Lô* (Huy, 1985); *Người Hà Nhì ở Việt Nam* (Khánh, 2010); *Xa nhà ca: Trường ca dân tộc Hà Nhì* (Liên, 2001); *Tìm hiểu văn hóa dân tộc Hà Nhì ở Việt Nam* (Liên, 2004); *Văn hóa dân gian dân tộc Hà Nhì* (Liên, 2010),... Bên cạnh đó cũng có một số bài viết mang tính chuyên khảo giới thiệu về người Hà Nhì ở Việt Nam trên các tạp chí chuyên ngành, kỹ yếu hội thảo khoa học quốc gia. Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả chỉ đề cập đến một số bài viết đề cập đến người Hà Nhì đen ở huyện Bát Xát (Lào Cai). Trước tiên là bài viết *Vài nét về thế giới quan dân gian của người Hà Nhì* (Son, 2003) đề cập đến quan điểm về vũ trụ, hồn ma, thờ cúng và đưa ra một số nhận xét về đời sống văn hóa tinh thần của người Hà Nhì đen ở các xã trong huyện Bát Xát, trong đó có đề cập đến lễ hội *Khô già già* ở xã Y Tý. Bài nghiên cứu *Hôn nhân của người Hà Nhì đen huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai hiện nay* (Lan, 2017) xoay quanh vấn đề về quan niệm và các nghi lễ trong hôn nhân của người Hà Nhì đen ở xã trong huyện Bát Xát. Bài viết *Nghi lễ tang ma của người Hà Nhì ở tỉnh Lào Cai* (Nghĩa, 2013) đã miêu tả các bước quy trình của tang lễ. Bài viết *Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa của người Hà Nhì đen xã Y Tý trong phát triển du lịch hiện nay* (Thuật & Thúy, 2023) nhấn mạnh đến hai loại hình di sản là văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần mang đặc trưng riêng của đồng bào, là một trong những tài nguyên thu hút khách du lịch đến với địa phương ngày càng đông trong khoảng 10 năm trở lại đây.

Ngoài các công trình nghiên cứu là sách, tạp chí, các bài tham luận in trong kỹ yếu hội thảo nêu trên, còn có một số tờ báo, đài truyền hình ở Trung ương, địa phương có đưa tin về lễ hội này, trong đó có báo Lào Cai điện tử với bài viết *Bát Xát: Lễ hội Khô già già của người Hà Nhì đen sẽ diễn ra từ ngày 27-29/6/2023*, thông tin chủ yếu đề cập ngắn gọn đến thời gian và địa điểm tổ chức lễ hội. Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam với tiêu đề *Độc đáo lễ hội Khô già già của người Hà Nhì đen*, nhấn mạnh đây là lễ hội cầu mùa với mong muốn thần linh phù hộ cho mùa màng bội thu và thể hiện đặc trưng tín ngưỡng thờ thần nông nghiệp, thần rừng, thần nước, thần đất và thần tình duyên của cộng đồng người dân tộc tại đây. Chuyên đề *Dân tộc - Miền núi của Đài Truyền hình Nhân dân* với tiêu đề *Đón tết Khô già già của người Hà Nhì đen ở Lào Cai* với dung lượng hơn 10 phút trên kênh Youtube, ngoài giới thiệu về nguồn gốc tộc người, phong cảnh, địa bàn cư trú, đời sống tinh thần của tết đối với cộng đồng. Nhìn chung, các bài viết nêu trên chỉ là tư liệu thứ cấp để tác giả tham khảo, trích dẫn để làm cơ sở sáng tỏ thêm cho tư liệu phỏng vấn sâu từ chủ thể văn hóa/cộng đồng để hoàn thiện bài viết này.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Để triển khai nội dung nghiên cứu, ngoài tham khảo các nguồn tài liệu thứ cấp đã công bố trên các trang báo điện tử, tạp chí khoa học, sách chuyên khảo có trích dẫn, tác giả còn sử dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành khoa học xã hội, trong đó chủ yếu là điều tra điền dã của ngành dân tộc học/nhân học tại xã Y Tý trong năm 2022-2023. Phương pháp nghiên cứu này, chủ yếu là quan sát, tham dự, ghi chép, phỏng vấn sâu các chủ thể văn hóa là người Hà Nhì đen tại các thôn Xín Chải, Lao Chải 1, Lao Chải 2, Choán Thèn, Tả Di Thàng, Mò Phú Chải, Nhìa Cồ San và phỏng vấn chính quyền thôn/xã, các chuyên gia, nhà nghiên cứu dân tộc học để phân tích các giá trị văn hóa của lễ hội này để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và du lịch ở địa phương theo hướng phát triển bền vững.

### 4. Kết quả nghiên cứu

Về tộc danh, đồng bào có tên tự gọi là Hà Nhì Giã (người Hà Nhì). Trước năm 1945, tên tự gọi phổ biến là Xá, Mán hay Xá U Ní, Mán U Ní, U Ní, Xá U Ni. Sau năm 1954, tên gọi chính thức của đồng bào thành tên gọi thống nhất chung là Hà Nhì (Lê, 2007, tr.108). Theo Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, dân số người Hà Nhì ở nước ta có 25.539 người; trong đó tỉnh là Lào Cai có 4.661 người), Điện Biên (4.555 người), Lai Châu (15.952 người (Tổng cục thống kê, 2020, tr.44, 84), số nhân khẩu còn lại (371 người) cư trú rải rác tại các tỉnh Sơn La, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hà Giang, Bắc Ninh, Hải Dương; trong đó huyện Bát Xát (Lào Cai) có 4.661 người Hà Nhì đen sinh sống tập trung tại các xã Y Tý, Trịnh Tường, Dền Thàng, A Mù Sung, A Lù,... Kết quả nghiên cứu của các nhà dân tộc học cho biết, bộ phận người Hà Nhì đen di cư đến tỉnh Lào Cai cách đây khoảng hơn 150 năm (Lê, 2007, tr.108). Cho dù hai nhóm địa phương là Hà Nhì hoa và Hà Nhì đen có khác nhau về tên gọi nhưng về văn hóa họ không khác nhau nhiều lắm. Dù ở Lai Châu, Điện Biên hay Lào Cai thì người Hà Nhì đều có chung truyền thuyết về quê hương cũ của mình là từ huyện Kim Bình và Lục Xuân, tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) di cư sang qua các thời điểm và bối cảnh xã hội khác nhau. Đồng bào luôn có ý thức rằng, cho dù đến vùng đất mới sớm hay muộn thì cũng luôn gắn bó lâu dài với đất nước Việt Nam. Họ đã cùng với các dân tộc anh em sống trên địa bàn cùng khai phá và bảo vệ vùng biên cương của Tổ quốc. Sự kiện nổi bật nhất cho tinh thần đoàn kết bảo vệ quê hương của người Hà Nhì đen với các dân tộc khác là cuộc khởi nghĩa vũ trang năm 1918 của người Mông và người Hà Nhì ở huyện Bát Xát dưới sự lãnh đạo của Chang Tả Dền (người Mông) và Trần Sử (người Hà Nhì) (Lê, 2007, tr.108). Hiện nay, đồng bào Hà Nhì đen có nền văn hóa truyền thống đặc sắc, đặc biệt là các làn điệu dân ca, các

điệu múa, âm nhạc, phong tục tập quán, nhà trình tường bằng đất sét núi, trang phục, ẩm thực, nghi lễ, lễ hội, phong cảnh thiên nhiên, con người hiền hòa cùng với phiên chợ phiên vùng cao tại trung tâm xã đã và đang được bảo tồn và phát triển hiệu quả nhằm góp phần vào kho tàng di sản văn hóa Việt Nam để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và du lịch tại địa phương theo hướng bền vững.

Y Tý là một xã vùng cao giáp với biên giới Việt Nam - Trung Quốc, cách thành phố Lào Cai hơn 100 km. Tổng diện tích đất tự nhiên toàn xã là 86,54km<sup>2</sup> và 11,94 km đường biên giới, với 939 hộ, 5011 khẩu, bao gồm các dân tộc Mông, Dao, Giáy, Hà Nhì, Kinh; trong đó có gần 60% nhân khẩu là người Hà Nhì. Họ sống tập trung tại thôn Choán Thèn, Xín Chải, Lao Chải, Tả Di Thàng, Mò Phú Chải, Nhìa Cồ San. Xã Y Tý nằm ở phía Tây của huyện Bát Xát, cách trung tâm huyện khoảng 68 km về phía Tây Bắc, với vị trí địa lý hành chính: Phía Đông giáp xã Trịnh Tường; phía Nam giáp xã Dền Sáng và xã Sàng Ma Sáo; phía Tây Bắc giáp với hương Mã Yên Đề (huyện Kim Bình, tỉnh Vân Nam); phía Tây Nam tiếp giáp xã Sin Suối Hồ (huyện Phong Thổ, Lai Châu) và phía Bắc giáp xã Sá Lù. Người Hà Nhì ở xã Y Tý thuộc nhóm Hà Nhì đen, với các dòng họ Tráng, Phà, Phu, Ly, Chu, Sắn, Sò, Cò, Vù, Sầm,... được gắn bó chặt chẽ với nhau (Lan, 2017, tr.75). Để hình thành các điểm dân cư, người Hà Nhì có hai hình thức tập hợp trong cư trú: Theo quan hệ láng giềng và theo quan hệ huyết thống. Theo nhà nghiên cứu dân tộc học Nguyễn Ngọc Thanh, “nếu trong một làng có nhiều dòng họ, họ nào có công lập làng thì họ đó được hưởng nhiều quyền lợi hơn các dòng họ khác” (Thanh, 2007, tr.22).

Hoạt động sản xuất chính của người Hà Nhì đen ở xã Y Tý là định canh, định cư, canh tác lúa nước, ngô, đậu trên ruộng bậc thang và trồng ngô, tria lúa, xen canh rau, đậu, ớt, bầu, dưa, khoai trên nương rẫy. Làng được phân bố theo hình vành khăn từ lưng chừng núi lên đỉnh núi: Nhà quay lưng vào núi. Làng phân bố mật tập. Mỗi làng vài chục nóc nhà, quây quần bên nhau, cùng quay về một hướng (Thanh, 2007, tr.17). Công cụ sản xuất chính làm đất canh tác nông nghiệp là cuốc, mai, cày, bừa có kiểu dáng tạo hình mang tính đặc trưng văn hóa của cư dân canh tác trên địa hình đồi núi dốc và ruộng bậc thang. Hiện nay, vẫn còn một số hộ Hà Nhì đen còn trồng bông, dệt vải, nhuộm chàm để làm trang phục truyền thống mặc trong các dịp lễ tết, lễ hội, cưới xin, tang ma, chợ phiên,... Kiến trúc nhà ở truyền thống của người Hà Nhì cũng như người Mông, Giáy, Phù Lá là nhà trình tường bằng đất sét núi, mái lợp proximang và hạp chợ phiên vùng biên vào thứ bảy hàng tuần để thu hút khách du lịch, là những hoạt động mưu sinh cấu thành nên những

nét văn hóa đặc sắc của đồng bào nơi đây. Được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, những năm gần đây, cơ sở hạ tầng từ thị trấn huyện Bát Xát lên xã vùng cao Y Tý đã được trải nhựa, mở rộng lòng đường nên việc đi lại rất thuận lợi để phát triển du lịch sinh thái nhân văn. Cộng đồng người Hà Nhi đen ở các thôn trong xã cũng đã xây dựng nhà nghỉ Homestay và hình thành các tour du lịch khám phá thiên nhiên được nhiều bạn trẻ ở miền xuôi và khách nước ngoài yêu thích, bởi nơi đây là một địa điểm săn mây trời nổi tiếng bậc nhất tỉnh Lào Cai. Điểm khác biệt lớn nhất của điểm du lịch này với Sa Pa là sự bình lặng, mộc mạc với phong cảnh thiên nhiên tuyệt mỹ và người dân thì hiền hòa, mến khách; không có hiện tượng bán hàng rong, chát chém, chèo kéo khách du lịch.

Trong kho tàng di sản văn hóa dân gian của người Hà Nhi đen ở xã Y Tý phải nói đến lễ hội *Khô già già*. Đây là lễ hội gắn với cầu mùa có từ lâu đời và lớn nhất, đặc sắc nhất so với các nghi lễ khác trong năm và nó cũng thể hiện nét đặc trưng văn hóa tín ngưỡng thờ đa thần, đó là thần nông nghiệp, sơn thần, thổ địa, thần mỏ nước, thần tình yêu, thần bảo vệ mùa màng, thôn bản,... Ý nghĩa của lễ hội này là đồng bào dâng cúng lễ vật, thực hành nghi lễ cầu mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, cây trồng tốt tươi, người an, vật thịnh, nhà nhà ấm no, hạnh phúc. Bên cạnh đó, lễ hội còn mang ý nghĩa cổ kết cộng đồng xã hội bền chặt, thể hiện tinh thần đoàn kết, gắn bó tình cảm của những người đồng tộc trong các dòng họ, thôn bản với nhau.

Với đồng bào DTTS vùng Tây Bắc Việt Nam, nhất là đối với người Hà Nhi đen ở tỉnh Lào Cai thì bất cứ mùa nào trong năm, khi mùa màng đã xong cũng có thể là mùa của lễ hội, bởi sau những ngày lao động vất vả, họ cần được nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí. Có thể thấy rằng, lễ hội *Khô già già* là một nét phong tục tập quán mang tính đặc trưng của đồng bào Hà Nhi đen ở xã Y Tý. Có ý kiến cho rằng: “Lễ hội *Khô già già* là lễ hội báo cáo hệ thống thần linh, chúng tôi đã cấy hái xong, lúa đang thời kỳ con gái và mong thần linh phù hộ cho mưa thuận gió hòa, lúa trở bông to, hạt mẩy và chăn nuôi gia súc, gia cầm được sinh sôi nảy nở, vì thế lễ hội này cũng là tết cầu mong, cầu mùa rất độc đáo mang tính văn hóa tộc người được diễn ra tại không gian khu rừng thiêng của cộng đồng” (PV TS.Trần Hữu Sơn, 25/02/2024). Từ quan sát thực địa cho thấy, tại các thôn bản của đồng bào Hà Nhi đen cư trú đều có một khu riêng thờ thần rừng để bảo hộ cho bà con dân bản không bị thiên tai, dịch bệnh. Một người dân chia sẻ: “Chúng tôi quan niệm, rừng và cây rừng, muông thú trong rừng đều có sinh mạng, linh hồn nên đời sống của nó giống như con người nên trong mỗi khu rừng thiêng đều có một vị sơn thần để giám sát, trông giữ. Ở đó, con người với cây

rừng và muông thú đều có mối quan hệ họ hàng thân thiết với nhau. Chúng tôi yêu rừng, quý trọng rừng, bảo vệ rừng cũng chính là bảo vệ thân linh, bảo vệ nguồn sống lâu dài của gia đình và cộng đồng, vì rừng mang lại nguồn nước cho sinh hoạt con người, vật nuôi và cây trồng. Chính vì vậy, các nghi lễ liên quan đến cộng đồng, người Hà Nhi đều tổ chức tại máng nước cạnh khu rừng cấm” (PV Tráng A Mừ, 28/06/2023). Điều này cho thấy, đối với người Hà Nhi đen, rừng không chỉ là nơi thần linh trú ngụ và cung cấp nguồn nước, bảo vệ cộng đồng mà còn là không gian diễn xướng thực hành nghi lễ, lễ hội mang đậm nét đặc trưng của tín ngưỡng dân gian thờ đa thần theo thuyết linh hồn giáo là mọi vật, mọi nơi đều có thần trú ngụ, nhất là các khu rừng thiêng của làng. Với vai trò to lớn của các vị thần linh như vậy, trong thôn của người Hà Nhi thường có 4 khu rừng thiêng, đó là rừng *Ga ma do* (cúng thần làng); rừng *Mu tu do* (cúng nữ thần mùa màng trước khi chuẩn bị reo mạ), rừng *Thổ ti* (thờ cúng vị thần bảo vệ làng) và rừng công viên (*A gờ lạ do*) là nơi diễn ra các nghi lễ liên quan đến cộng đồng. Lễ hội *Khu già già* của người Hà Nhi đen sẽ diễn ra tại khu rừng công viên. Rừng công viên là một khu đất trống, bằng phẳng, vuông vức, xung quanh có rừng cây xanh mướt, với những cây cổ thụ cao lớn là nơi trú ngụ của thần linh. Trung tâm của không gian thiêng này là một nhà công viên dài 5m, rộng chừng 3m được dân làng dựng lên. Nhà công viên không có vách tường giống như nhà ở mà chỉ có khung nhà, sàn làm bằng gỗ, trên mái lợp cỏ tranh. Đây là nơi để các gia đình trong thôn mang lễ vật ra cúng thần và mời mọi người thụ hưởng sau nghi lễ vào buổi tối ngày thứ ba trong thời gian tổ chức lễ hội.

Để tổ chức lễ hội mang tính cộng đồng, trước vài tháng, trưởng thôn, thầy cúng thông báo tới các hộ trong thôn đến họp để thảo luận về việc đóng góp kinh phí mua trâu cúng thần; phân công cho từng cá nhân thực hiện công việc dựng lán, lợp mái, chặt gỗ, lấy dây rừng làm đu quay, dọn vệ sinh sạch sẽ đường làng, khu rừng công viên diễn ra nơi cúng lễ trang nghiêm. Do tập quán cư trú và thiết chế xã hội mang tính tập thể nên mọi người, mọi nhà được trưởng thôn phân công công việc đều nhất nhất thực hiện. Ngoại trừ những gia đình có tang, có người bị bệnh nan y, người già yếu,... thì không phải trực tiếp tham gia công tác chuẩn bị nhưng đều có sự đóng góp kinh phí để mua lễ vật cúng thần và được hưởng quyền lợi như nhau.

Theo lời kể của những người cao niên trong bản cho biết: Cách đây khoảng hơn 20 năm (2000), lễ hội *Khô già già* truyền thống của người Hà Nhi diễn ra trong 5 ngày, khởi đầu là ngày Thìn và kết thúc vào ngày Thân (con khỉ). Hiện nay, chúng tôi thực hiện theo chủ trương của Nhà nước là rút ngắn thời gian để tập trung vào sản xuất nông nghiệp nhưng

vấn đảm bảo được yếu tố tâm linh và bản sắc văn hóa của dân tộc mình. Ngày đầu tiên là ngày Thìn (rồng) và kết thúc là ngày Ngọ (ngựa) (PV Tráng A Vừ, 29/06/2023). Trong ngày đầu tiên diễn ra lễ hội (ngày Thìn), ngay từ sáng sớm, phụ nữ, trẻ em tiên hành công việc dọn dẹp vệ sinh xung quanh nhà, đường trong thôn bản, khu công viên; thanh niên trai tráng vào rừng chặt cây, lấy cỏ tranh và tre lợp lại mái nhà, nơi diễn ra các hoạt động của lễ hội. Vật liệu sửa chữa lán cộng đồng đã được tập kết, những người đàn ông trung tuổi có kinh nghiệm làm nhà cùng nhau sửa chữa, lợp lại mái nhà bằng cỏ tranh với ý nghĩa, năm cũ đi qua, những cái mới của năm mới sẽ mang lại những điều tốt đẹp cho cộng đồng. Trong lúc dựng lán, lợp mái nhà, thầy cúng dùng dao vót 3 nan tre, tượng trưng cho những chiếc bẫy chim để cài trên đỉnh mái lán. Họ tin rằng, những chiếc bẫy tre sẽ giúp ngăn ngừa các loài chim không đến ăn hoa màu, giúp họ bảo vệ mùa màng.

Ngày thứ hai là ngày Tị (rắn) gắn liền với nghi lễ giết trâu lấy thịt hiến cúng thần linh cúng tổ tiên và tổ chức bữa cơm đoàn viên, mời bạn bè, thân hữu tới tham dự. Theo phong tục của đồng bào, trâu hiến tế cúng thần phải là trâu đực mới lớn, khỏe mạnh và được chăm sóc cẩn thận cho đến ngày làm lễ. Người được trưởng thôn và thầy cúng cùng cộng đồng thảo luận, phân công cho cá nhân nào đó thay mặt dân bản đi tìm mua trâu phải hội đủ các điều kiện: Trâu đen tuyền, không đốm trắng, không khoang cổ, béo mập, không ốm đau và gia đình người bán trâu không có tang trong 3 năm hay có người mới sinh đẻ. Trâu mua về, chủ nhà làm chuồng nuôi nhốt riêng tại gần khu rừng cấm để ngăn cách với trâu nhà để tránh đánh nhau; chuồng nuôi trâu phải sạch sẽ, ngày quét dọn chuồng hai ba lần; hàng ngày người đảm nhận đi mua trâu phải cắt cỏ non cho trâu ăn và mang nước sạch cho trâu uống; tắm rửa sạch sẽ...; tất cả họ chỉ muốn thể hiện sự tín tâm với thần rừng, thần bản, thần nông nghiệp, thần tình duyên để bảo hộ cho cộng đồng được an yên, may mắn, mùa màng bội thu.

Ngày nay, người đảm nhiệm phân công việc thay mặt dân làng đi mua trâu, sau khi tìm được con trâu ưng ý, họ về báo cáo với trưởng bản, thầy cúng để họ quyết định mang tiền đi đặt cọc chủ nhà, trước một hai ngày diễn ra lễ hội, người đi mua trâu mới dắt trâu về cột vào gốc cây cạnh khu rừng cấm và chăm sóc chu đáo chờ đến ngày giờ làm lễ hiến tế cho thần.

Trước khi giết trâu hiến tế, thầy cúng lấy cỏ cho trâu ăn và đọc lời khấn để “hóa kiếp” nó làm vật hiến tế cho các vị thần và cầu khấn thần mặt trời, mặt trăng và các vị thần khác cùng hồn lúa, hồn ngô về bản làng đón nhận vật hiến tế và phù hộ cho bản làng cả năm được mùa màng bội thu, người an, vật

thịnh,... Theo tập quán của người đồng bào, với các lễ hội khác thì có thể dùng lợn, gà để hiến tế cúng thần; với lễ hội *Khô già già* thì nhất thiết phải giết trâu cúng tế. Khi trâu được mổ xong, sẽ tiến hành chia tất cả các phần thịt đều nhau cho tất cả các hộ gia đình trong bản để mang về chế biến món ăn dâng cúng tổ tiên. Thầy cúng lấy phần đầu, 4 chân, đuôi, một ít huyết (tiết) và một ít ngũ tạng của con trâu mang cất giữ để ngày mai cúng thần.

Ngoài nghi lễ cúng chung thần rừng của cộng đồng ở lán nhà công cộng tại rừng công viên, mỗi gia đình đều làm cơm cúng tổ tiên. Trong ba ngày lễ, các hộ gia đình đều làm cơm cúng tổ tiên vào buổi trưa và tối. Lễ vật dâng cúng không thể thiếu cho tổ tiên là thịt trâu, bánh dày, rượu ngô và rau rừng lấy trên nương rẫy. Đặc biệt, trong 3 ngày tổ chức lễ hội, mọi công việc liên quan đến sản xuất, tang ma đều gác lại để tập trung vào ngày hội chung của cả bản. Vào những ngày hội, các gia đình luôn mở cửa nhà đón khách đến chơi. Trong ba ngày hội, gia đình nào có khách từ nơi xa đến thăm nhà, vui chơi, ăn uống, nói chuyện,... được xem là may mắn trong năm. Bởi vậy, vào dịp lễ hội, con cháu đi làm ăn xa cũng trở về nhà dự lễ hội, tạo nên sự đoàn viên trong gia đình và cổ kết cộng đồng bền chặt.

Sang ngày thứ ba (ngày Ngọ) được xem là ngày lễ quan trọng nhất của lễ hội, không gian diễn ra tại lán công viên của thôn. Vào ngày này, ngay từ sáng sớm, các thanh niên trai tráng trong bản phân công nhau vào rừng đốn hạ gỗ mang về làng dựng đu quay (bập bênh) và lấy dây rừng làm đu dây. Cây gỗ và dây đu lấy trong rừng phải chọn lựa rất kỹ càng và chắc khỏe. Đồng bào chỉ chọn hạ đốn cây gỗ to, thẳng, lá xanh tốt; không chặt cây gỗ bị gãy ngọn, sét đánh hay chết khô, đổ nằm, gió bão làm cây đổ bật gốc rễ; không lấy cây có dây quán, có tổ kiến đen hay chim quạ làm tổ; không lấy cây ba chạc hay cây gỗ chặt gốc xong, cây đổ ngọn gác lên cành cây khác,... Dây rừng phải chọn dây to, dài, dai, bền chắc và mọc bám trên cành cây cô thụ sinh trưởng; không lấy dây rừng sinh trưởng dưới mặt đất. Thầy cúng giải thích: “Những cây gỗ, dây rừng nêu trên người Hà Nhì không lấy về để dựng đu quay và đu dây là do nó không tốt, có hồn ma, một tinh trong cây nên mới bị sét đánh làm cho chết khô; thần gió làm cho gãy ngọn; cây dây rừng quán giống như người bị chói chân tay không cử động được; cây có tổ quạ, kiến đen làm tổ đều liên quan đến xui xẻo. Với dây rừng mọc dưới đất không sạch, vì gia súc, gia cầm vào rừng kiếm ăn rồi thả phân ra trong rừng. Nếu lấy gỗ về làm đu quay hay đu dây, dễ xảy ra tai nạn, gây chết người” (PV Cò Se, 29/06/2023).

Việc người Hà Nhì hàng năm vào rừng đốn gỗ làm đu quay và lấy dây rừng làm đu dây là hoạt động không thể thiếu trong dịp lễ hội *Khô già già*.

Ngoài ý nghĩa là trò chơi dân gian, đu quay còn mang một truyền thuyết dân gian được lưu truyền trong cộng đồng. Truyền thuyết kể rằng: “Người xưa người Hà Nhì làm ruộng bậc thang, lấy đất đắp bờ đã làm chết nhiều giun đất; làm nương rẫy thì phát, đốt làm chết nhiều thú rừng; cả thú rừng và giun đất đã kiện người Hà Nhì lên ông Trời là con người đã phá rừng, làm chúng tôi chết nên phải trừng trị họ. Thế nhưng có con chim sẻ và các con chim khác bay lên trời nói với Ngọc Hoàng rằng, là người Hà Nhì tốt lắm, cho nên phải thương lấy người Hà Nhì, cứu lấy người Hà Nhì. Ông trời lúng túng không biết làm sao, ông trời nghĩ ra một mẹo, bảo người Hà Nhì chơi đu quay, họ đã làm ra cây đu bập bênh, hai người bên cao bên thấp tung lên và lấy dây rừng làm đu dây để người chơi đu dây phải tung người lên trên trời. Ông trời nói, người Hà Nhì khó chưa, họ phải tung người lên trời kia kia, họ khó chưa? Vì thế người Hà Nhì có được tết *Khô già già* gắn với sự tích trồng đu quay và làm đu dây nêu trên” (PV TS Trần Hữu Sơn, 25/02/2024).

Bên cạnh sự tích về chim sẻ “thông linh” giữa trời với đất đã động cảm đến ông Trời, nhờ đó mà cuộc sống của đồng bào được ấm no, hạnh phúc. Xét dưới góc độ nhân học biểu tượng, cây đu quay và đu dây không chỉ kể câu chuyện về sự vất vả của đồng bào trong cuộc sống mưu sinh thông qua hình thức canh tác nông nghiệp trên ruộng bậc thang, nương rẫy mà nó còn mang ý nghĩa của biểu tượng cầu “phồn thực” với mong muốn mùa màng bội thu và nghi lễ gắn với ma thuật, đó là trước khi dựng và chơi đu, thầy cúng phải làm lễ cúng thần thổ địa, thần cây để người chơi không bị tai nạn và mong muốn âm (đất) - dương (trời) được giao hòa, mùa màng bội thu, người an vật thịnh. Sau khi làm lễ xong, hai thầy cúng ngồi lên cần đu chơi đầu tiên với 2 vòng quay thuận chiều kim đồng hồ và một vòng quay ngược kim đồng hồ. Điều này cho thấy, tính nghi lễ gắn với ma thuật trong lễ dựng đu quay, đu dây và chơi đu quay, đu dây của đồng bào mang đậm thuyết linh hồn giáo theo tín ngưỡng dân gian của mình là thờ đa thần. Tuy nhiên, với người Hà Nhì, không phải tất cả mọi vật đều có linh hồn mà chỉ có con người và những đối tượng thể hiện rõ sức sống và có mối quan hệ mật thiết với con người (lúa, ngô, gia súc, thú rừng, rừng thiêng...) mới có hồn. Điều này cũng đồng quan điểm, “để cho cây trồng sinh trưởng và phát triển, người Hà Nhì phải làm một số lễ thức tác động đến hồn của cây trồng đó (Lê, 2007, tr.119).

Sau một thời gian chuẩn bị, ngày lễ quan trọng nhất của dịp lễ hội cũng đã đến. Các hoạt động liên quan đến ngày thứ nhất và thứ hai cho lễ hội chủ yếu liên quan đến cộng đồng và chủ yếu do nam giới thực hiện. Vào ngày thứ ba - tức ngày Ngọ là ngày chính hội, chiều tối thầy cúng cùng đại diện

các gia đình trong thôn chuẩn bị mâm lễ vật mang ra lán thờ ở khu công viên để cùng làm lễ cúng thần linh chung của cả cộng đồng. Địa điểm tổ chức lễ hội là bãi đất trống tại khu rừng công viên. Khác với 3 ngôi rừng cấm nêu trên là nữ giới, trẻ con không được đến tham dự, vui chơi, ca hát thì khu rừng công viên là nơi mọi người già trẻ, gái trai, người trong và ngoài bản đều có thể đến vui chơi trong ngày hội. Vị trí làm lễ là bên cạnh cột đu quay và đu dây. Lễ vật dâng cúng của các hộ gia đình vào buổi tối ngày thứ 3 là ngày chính hội, mỗi gia đình tham gia lễ hội sẽ làm một mâm lễ gồm thịt trâu nấu chín, rượu ngô và các sản vật làm ra (thịt lợn, thịt gà, trứng luộc, lạc rang, đỗ tương, bí, dưa chuột) đặt lên trên mâm đan rồi lấy lá chuối dầy lên lễ vật để tránh bụi bẩn trên không trung rơi vào mâm lễ và được người chủ trong gia đình là nam giới mang ra làm lễ cúng thần. Đề tở lòng sùng kính thần rừng, những người nam giới là chủ trong gia đình sẽ đội mâm lễ lên trên đầu mang ra lán công viên làm lễ chung cả cộng đồng. Mục đích, ý nghĩa của nghi lễ này là cầu cho mưa thuận, gió hòa, mùa màng bội thu, dân bản có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, may mắn. Bên cạnh đó cũng là bày tỏ lòng biết ơn tới thần linh và cầu mong các thần bảo vệ cho tất cả những người đến dự lễ hội, tham gia vào các trò chơi được an toàn. Do vậy, mọi hoạt động trong thời gian tổ chức lễ hội được diễn ra rất trang nghiêm. Sau lễ cúng, đồng bào Hà Nhì nơi đây sẽ kiêng kỵ không chặt cây, cắt cỏ, bẫy chắt trong ba ngày để thần được nghỉ ngơi, vui chơi.

Có thể nhận diện, lễ hội *Khô già già* là một lễ hội mang tính cầu mùa và có sự cố kết cộng đồng xã hội cao, không chỉ có người Hà Nhì mà người khác dân tộc cũng đến chung vui nên lễ hội này còn gọi là tết đoàn viên. Tuy nhiên, theo tập tục quy định, chỉ những gia đình có người thân mất trong thời 3 năm hay có phụ nữ mới sinh con chưa được ba tháng hoặc có trẻ con mới mất... đều không được phép tham dự lễ hội chung của cộng đồng. Thầy cúng chia sẻ: “Những gia đình có tang hay có người sinh đẻ đều bị xem là không sạch sẽ nên không được ra nơi thần rừng an nghỉ. Để tránh thần rừng tức giận nên “cái lý” người già truyền lại cho người trẻ biết và kiêng kỵ như vậy” (PV Cò Se, 29/06/2023).

Ngoài các hoạt động nghi lễ cúng thần rừng, thần đất, thần nước, thần nông nghiệp, thần làng, thần tình duyên bảo vệ con người, còn có một số hoạt động của phần hội cho cả nam và nữ tham gia. Các trò chơi dân gian truyền thống được tổ chức là nhảy que, đánh đu, múa gùi, hát dân ca, đu quay, đu dây; các gia đình trong thôn đến nhà thăm hỏi, chúc nhau những điều tốt lành, như sức khỏe tốt, làm ăn thuận lợi, mùa màng tốt tươi, gia súc gia cầm nhiều, sinh được nhiều con trai,... Có thể nhận diện, những ước vọng nêu trên của người DTTS nói chung và của

người Hà Nhi ở xã Y Tý nói riêng đều mang đậm nét bản sắc văn hóa của người DTTS vùng cao Tây Bắc gắn với lễ hội cầu mùa và vui chơi, giải trí. Tại nơi đây, du khách không chỉ cảm nhận được những nét văn hóa vô cùng đặc sắc của đồng bào mà mọi người tới đây còn được hòa mình vào cảnh sắc thiên nhiên hùng vĩ với những dãy núi đá cao có dáng hình mang tính biểu tượng thanh long (rồng xanh) nhả ngọc; những áng mây trời trắng muốt bồng bềnh trên trời xanh trông tựa như “chón bông lai tiên cảnh” hay chiêm ngưỡng những ngôi nhà trình tường bằng đất sét núi độc đáo, ruộng bậc thang, cây cô đơn, chợ phiên vùng biên, lội suối theo các sườn núi đẹp đến mê hồn, quả không hổ danh là Y Tý của vùng đất đại ngàn. Đây là nguồn tài nguyên du lịch sinh thái và nhân văn để phát triển du lịch cộng đồng theo hướng bền vững, vừa tạo công ăn việc làm, tăng thêm thu nhập cho người dân vừa quảng bá được nét đẹp văn hóa truyền thống của lễ hội ở địa phương tới công chúng. Vậy chính quyền địa phương cũng như người dân định hướng bảo tồn và phát triển lễ hội *Khô già già* của mình như thế nào trong bối cảnh phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, du lịch hiện nay?

### 5. Thảo luận

Dựa trên kết quả nghiên cứu, bước đầu chúng tôi nhận diện, lễ hội *Khô già già* của người Hà Nhi đen ở xã Y Tý là một loại hình di sản văn hóa dân gian phi vật thể quý hiếm, nó còn bảo lưu, kế tục và truyền thừa đến tận hôm nay. Lễ hội này, không chỉ hàm chứa tín ngưỡng cầu mùa, nó ra đời cùng với sự tồn tại và phát triển của người Hà Nhi đen tại địa phương, được trao truyền từ đời này qua đời khác, mà còn thể hiện sự gắn kết gia đình, cộng đồng ngày càng bền chặt với nhau. Với những giá trị nêu trên, lễ hội này đã được Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia năm 2015. Bên cạnh đó, lễ hội này còn là một sản phẩm văn hóa để thu hút khách du lịch trong và ngoài nước đến tham quan, trải nghiệm khám phá văn hóa vùng biên giới Việt - Trung qua mô hình du lịch dựa vào cộng đồng, chợ phiên vùng cao, du lịch sinh thái,... từ đó tạo công ăn việc làm, tăng thêm thu nhập cho người dân.

Nghiên cứu bảo tồn và phát triển lễ hội *Khô già già* vào phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, du lịch trong bối cảnh hiện nay là rất cần thiết, bởi lễ hội này nó gắn liền với đời sống văn hóa tinh thần của người dân địa phương trên vùng núi cao, với địa hình đồi núi dốc nên đồng bào canh tác lúa nước trên ruộng bậc thang tạo nên một không gian bản làng thật tuyệt mỹ. Để đảm bảo được cuộc sống ấm no, hạnh phúc, người Hà Nhi không chỉ tích cực lao động, cải tạo đất đai, khai thác nguồn nước tự nhiên theo hình thức “dẫn thủy nhập điền” canh tác lúa nước kết hợp với trồng trọt trên nương rẫy. Trong

quá trình định canh, định cư và chế ngự tự nhiên, người Hà Nhi đã kiến tạo, truyền thừa, phát triển lễ hội từ đời này qua đời khác và nó trở thành lễ hội lớn nhất trong năm và lâu đời nhất. Đây là nét văn hóa độc đáo, riêng có của đồng bào Hà Nhi đen, nó góp phần tạo nên bức tranh đa màu, đa sắc của kho tàng di sản văn hóa Việt Nam thống nhất trong đa dạng. Hơn nữa, lễ hội này còn thể hiện đặc trưng của tín ngưỡng thờ đa thần theo niềm tin của đồng bào, với tâm thức cầu mong cho mùa màng bội thu, chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển, con người khỏe mạnh, bình an, cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Với những giá trị lịch sử, văn hóa, xã hội, tín ngưỡng, tập quán của lễ hội *Khô già già* của người Hà Nhi đen ở xã Y Tý luôn được Đảng, Nhà nước, chính quyền các cấp quan tâm về vấn đề bảo tồn và phát triển vào trong đời sống cộng đồng, góp phần định hướng phát triển du lịch tại địa phương theo hướng bền vững. Tuy nhiên, dưới tác động của nền kinh tế thị trường, sự hội nhập toàn cầu và sự giao thoa với văn hóa của các tộc người trong tỉnh, khách du lịch trong nước, quốc tế đến tham quan số lượng tăng dần theo từng năm. Bởi vậy, văn hóa của các dân tộc nói chung và người Hà Nhi đen nói riêng cũng đang đứng trước những thách thức với tài nguyên di sản, đó là: các hộ Hà Nhi đang có xu hướng thay đổi không gian kiến trúc nhà ở truyền thống là nhà trình tường bằng đất, mái lợp cỏ tranh thay thế bằng nhà tường xây gạch, trát xi măng, mái lợp tôn Hoa Sen, nhiều gia đình làm dịch vụ nhà nghỉ Homestay mang tính tự phát, thiếu nguồn nhân lực có tính chuyên nghiệp (không qua đào tạo về hướng dẫn viên du lịch, khách sạn, quản lý văn hóa tại các trường đại học đào tạo chuyên ngành về du lịch); nhiều người ở các tỉnh thành lên mua đất xây nhà nghỉ, khách sạn với những ưu thế hơn hẳn người dân địa phương.

Lễ hội *Khô già già* của người Hà Nhi đen ở xã Y Tý vẫn còn bảo tồn được nhiều yếu tố văn hóa truyền thống là do chủ thể văn hóa tự thảo luận để tổ chức các nghi lễ và quy mô lễ hội gắn với điều kiện kinh tế, xã hội và tập quán, đáp ứng được nhu cầu của người dân. Thầy cúng và trưởng thôn là nhân vật thay mặt các hộ trong bản giao tiếp với quan khách và cả với thần linh; chủ tịch xã chỉ đứng bên ngoài, nhìn “từ xa”, không tham gia đọc diễn văn khai mạc nhưng phân công các bộ phận phối hợp giữ gìn trật tự, an ninh, kiểm tra an toàn thực phẩm. Thiết nghĩ rằng, để phát huy tốt các giá trị di sản văn hóa của các DTTS vào phát triển du lịch cộng đồng cần phải có các bên liên quan tham gia nhưng phải phân cấp, phân quyền, phân vai cụ thể cho dân/chủ thể văn hóa. Chính quyền địa phương chỉ nên hướng dẫn hay tư vấn các văn bản của Nhà nước liên quan đến tín ngưỡng, tổ chức lễ hội, du lịch; còn lễ hội truyền thống nên để cho cộng đồng,

cho thầy cúng thay mặt dân làng giao tiếp với thần linh. Lớp trẻ và các bên tham gia làm theo sự hướng dẫn của trưởng thôn, già làng, thầy cúng, vừa lễ tôn trọng không gian thiêng, vừa tôn trọng nghi lễ và tôn trọng cộng đồng. Tuy nhiên, để bảo tồn và phát huy tốt lễ hội này, thu hút khách du lịch đến với địa phương thì chính quyền thôn cần phải có ban bảo vệ của cộng đồng, ban tổ chức vận hành theo cơ chế tự quản truyền thống của đồng bào được thể hiện trong phong tục, tập quán của mình. Có như vậy, cộng đồng mới phát huy được di sản văn hóa vào trong đời sống cộng đồng một cách có hiệu quả và bền vững.

Dưới danh nghĩa, di sản văn hóa là của các thế hệ tiền nhân sáng tạo, truyền thừa, để lại, là tài sản vô giá gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hóa, vì vậy, di sản văn hóa giữ vai trò và trở thành một nguồn lực quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước (Toàn, 2003, tr.78). Di sản văn hóa tồn tại dưới hai hình thức: di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể. Muốn nâng cao chất lượng và hiệu quả của các hoạt động bảo vệ và phát huy di sản văn hóa của người Hà Nhi đen ở xã Y Tý, trước hết chính quyền địa phương và cộng đồng phải nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò di sản văn hóa của tộc người mình, địa phương mình với việc hình thành bản sắc dân tộc. *Một là*, cộng đồng phải quan tâm đến nguồn gốc, lịch sử và bản sắc văn hóa tộc người gắn với địa bàn cư trú và luôn ý thức, phong tục, tập quán, tín ngưỡng, lễ hội, nhà cửa, trang phục, ẩm thực, công cụ sản xuất, địa hình, phong cảnh,... là tài nguyên di sản văn hóa tự nhiên và nhân văn để phát triển du lịch. *Hai là*, tất cả các di sản văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần đều là tài sản văn hóa tộc người và cũng đồng nhất là tài sản của quốc gia nên cần được phải bảo tồn và phát triển rộng rãi trong cộng đồng. Bởi vì, di sản văn hóa phi vật thể muốn tồn tại và “sống” được chỉ khi được lưu giữ trong từng con người, từng gia đình, từng dòng họ, từng thôn bản thì nguồn tài sản vô hình ấy mới ẩn dấu trong mỗi cá nhân, cộng đồng và chỉ xuất hiện khi có hoạt động cụ thể (nghi lễ, lễ hội, trò chơi, lao động sản xuất) nên di sản văn hóa phi vật thể rất khó định lượng.

Từ kết quả nghiên cứu các nguồn tài liệu thứ cấp và tư liệu phỏng vấn sâu tại thực địa, chúng tôi nhận thấy, cộng đồng tổ chức các hình thức bảo tồn và phát huy di sản mang lại hiệu quả rất tích cực, thu hút khách tham quan tới địa phương ngày càng đông; nhất là vào những năm gần đây (Thuật & Thúy, 2022, tr.146). Thông qua lễ hội, các giá trị di sản văn hóa và ký ức của nhân loại không chỉ được “đánh thức” thông qua các hoạt động của nghi

lễ, lễ hội, trò chơi dân gian,... mà nó còn tạo được sợi dây liên kết giữa các thành viên trong gia đình, dòng họ, bản làng với nhau và tính cố kết cộng đồng xã hội bền chặt, tương thân, tương ái, chia sẻ, tôn trọng văn hóa của nhau. Đặc biệt, trong bối cảnh xã hội hiện nay, để phát huy tốt di sản văn hóa nói chung và lễ hội *Khô già già* nói riêng, việc “xã hội hóa” trong lễ hội cũng cần được quan tâm. Thiết nghĩ chính quyền địa phương cần trợ giúp về kinh phí cho người dân tổ chức lễ hội và quan tâm đến các vấn đề: tổ chức khôi phục, đào tạo nghề dệt thổ cẩm, đan lát, rèn truyền thống cho lớp trẻ có nhu cầu; xét tặng danh hiệu/khen thưởng, ban hành các chế độ cho các cá nhân có tinh thần trách nhiệm bảo tồn, truyền bá, phát triển di sản văn hóa vào trong đời sống cộng đồng; chính sách khuyến khích các hoạt động bảo vệ và phát huy di sản văn hóa. Có như vậy, cộng đồng mới quan tâm đến việc bảo tồn và phát triển di sản của mình để phục vụ tốt kinh tế - văn hóa - xã hội, du lịch ở địa phương, từ đó người dân có thêm thu nhập, ổn định đời sống, góp phần giữ vững vùng biên cương phía Bắc của Tổ quốc.

## 6. Kết luận

Với những giá trị lịch sử và văn hóa của lễ hội *Khô già già* đã thể hiện được nét đặc trưng văn hóa tộc người trên cả hai phương diện văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần. Bởi vậy, chủ trương của chính quyền xã Y Tý đã thống nhất định hướng bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc tại cộng đồng để phát triển du lịch bản làng và lưu trú Homestay. Trước mắt tập trung ưu tiên huy động tổng hợp các nguồn lực hỗ trợ định hướng công tác bảo tồn, trao truyền, kế thừa các loại hình di sản văn hóa tiêu biểu của các dân tộc Hà Nhi, Mông, Phù Lá, Giáy trong xã (cảnh quan, ruộng bậc thang, nhà cửa, rừng cấm, khe suối, chợ phiên, ẩm thực, đặc sản địa phương, nghề thủ công, dân ca, dân vũ, lễ hội,...) để phát triển du lịch cộng đồng thông qua hình thức khám phá, trải nghiệm lưu trú theo mô hình nhà nghỉ Homestay.

Đặc điểm văn hóa Việt Nam là một kho tàng di sản văn hóa thống nhất trong đa dạng. Để phát huy hiệu quả của di sản văn hóa nói chung và lễ hội *Khô già già* nói riêng, để thu hút khách du lịch cần phải có định hướng xây dựng tuyến điểm liên kết khép kín với các điểm du lịch trong và ngoài huyện với nhiều nền văn hóa tộc người thiểu số khác nhau, như: Sa Pa - Bản Xèo - Mường Hun - Sàng Ma Sáo - Dền Sáng - Y Tý - A Mú Sung - Thành phố Lào Cai và ngược lại. Những giá trị di sản văn hóa của người Hà Nhi nói chung và lễ hội *Khô già già* ở xã Y Tý nói riêng cần được gìn giữ, bảo tồn và tiếp tục phát triển tốt trong đời sống của cộng đồng hiện nay và mai sau để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, du lịch theo hướng bền vững.

## Tài liệu tham khảo

- Bền, N. C. (2000). Tổng quan về kho tàng lễ hội cổ truyền Việt Nam. Trong cuốn sách *Kho tàng lễ hội cổ truyền Việt Nam* (nhiều tác giả). Hà Nội: Nxb. Văn hóa dân tộc.
- Huy, N. V. (1985). *Văn hóa nếp sống của người Hà Nội - Lô Lô*. Hà Nội: Nxb Văn hóa.
- Khánh, V. (2010). *Người Hà Nội ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Thông tấn.
- Lan, T. T. (2017). Hôn nhân của người Hà Nội Đen ở huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai hiện nay. *Tạp chí Dân tộc học*, số 6/2017.
- Lê, N. V. (2007). Người Hà Nội và người Hà Nội ở Lai Châu. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 2/2007.
- Liên, C. T. (2000). *Xa Nhà ca: Trường ca dân tộc Hà Nội* (tác phẩm sưu tầm biên dịch chung với Lê Đình Lai). Hà Nội: Nxb. Văn hóa dân tộc.
- Liên, C. T. (2004). Tìm hiểu văn hóa dân tộc Hà Nội ở Việt Nam. Hà Nội: Nxb. Văn hóa dân tộc.
- Liên, C. T. (2010). *Văn hóa dân gian dân tộc Hà Nội*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa dân tộc.
- Nghĩa, D. T. (2013). Nghi lễ tang ma của người Hà Nội ở tỉnh Lào Cai. *Tạp chí Di sản văn hóa*, số 2/2013.
- Son, L. H. (2003). Vài nét về thế giới quan dân gian của người Hà Nội. *Tạp chí Dân tộc học*, số 6/2003.
- Thanh, N. N. (2007). Một số đặc điểm về thiết chế làng bản của người Hà Nội ở miền núi phía Bắc Việt Nam. *Tạp chí Dân tộc học*, số 6/2007.
- Thuật, V. H., & Thúy, T. T. (2023). *Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa của người Hà Nội đen, xã Y Tý trong phát triển du lịch hiện nay*, trong *Văn hóa tộc người trong xây dựng cộng đồng, quốc gia, dân tộc Việt Nam hiện nay*. Kỷ yếu Hội nghị Dân tộc học quốc gia năm 2022. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.
- Thùy, Đ. (2021). *Độc đáo lễ hội Khô Già Già của người Hà Nội đen*. Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 05/7.
- Toàn, N. H. (2003). Cư dân làng xã với vấn đề bảo vệ và phát huy di sản văn hóa. *Tạp chí Di sản văn hóa*, số 3/2003.
- Tổng cục Thống kê. (2020). *Kết quả toàn bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
- Viện Dân tộc học. (1978). *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Bắc)*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.

## BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ LỄ HỘI “KHÔ GIÀ GIÀ” CỦA NGƯỜI HÀ NỘI ĐEN, XÃ Y TÝ, HUYỆN BÁT XÁT, TỈNH LÀO CAI TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH

Nguyễn Thành Nam

Trường Đại học Văn hóa Hà Nội

Email: [namnt@huc.edu.vn](mailto:namnt@huc.edu.vn)

Nhận bài: 07/3/2024; Phản biện: 14/3/2024; Tác giả sửa: 17/3/2024; Duyệt đăng: 18/3/2024; Phát hành: 31/3/2024

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/282>

Trong một năm, người Hà Nội ở nước ta có nhiều lễ hội mang đậm bản sắc văn hóa tộc người, trong đó tiêu biểu là lễ hội *Khô già già* của người Hà Nội Đen ở xã Y Tý, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Bản chất của lễ hội này là mang ý nghĩa cầu mưa, với ước vọng mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, người an vật thịnh, cây trồng tốt tươi, nhà nhà ấm no, hạnh phúc. Ngoài ý nghĩa về tâm linh, lễ hội này còn là một hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng, có ý nghĩa quan trọng trong việc cổ kết cộng đồng xã hội trong và ngoài thôn bản trước đây cũng như bây giờ. Để tổ chức được lễ hội, đồng bào Hà Nội Đen phải chuẩn bị trước từ vài tháng, tiến hành họp cộng đồng thảo luận về cách thức tổ chức nghi lễ, lễ hội, đóng góp kinh phí, phân công nhiệm vụ cho các cá nhân thực hiện các công việc liên quan đến lễ hội. Không gian tổ chức nghi lễ tại khu đất trống của khu rừng công viên và thời gian diễn ra lễ hội là 3 ngày và là một trong lễ hội lớn nhất, quan trọng nhất của đồng bào. Trong những năm gần đây, các lễ hội truyền thống của người Hà Nội Đen ở xã Y Tý được chính quyền địa phương quan tâm, bảo tồn phát triển để thu hút khách du lịch.

**Từ khóa:** Bảo tồn và phát huy; Lễ hội Khô già già; Người Hà Nội Đen; Xã Y Tý; Huyện Bát Xát.